

Bản án số: 01/2026/HC-ST

Ngày: 28 - 4 - 2021

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
và hành vi hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Định và Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Cao Phạm Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 03/2025/TLST-HC ngày 06/10/2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HC ngày 15 tháng 01 năm 2026 giữa:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trần Xuân T, sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; địa chỉ: Số F, đường H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Q: Ông Võ Quốc H, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q; Ông Nguyễn Thế V, Phó trưởng phòng quản lý đất đai tỉnh Q; Ông Trần Đình A, Chuyên viên Phòng quản lý đất đai tỉnh Q. Đều có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trần Thanh B, N Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã T); địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Ông Trần Hữu N1, nguyên cán bộ địa chính xã Q (nay là xã T); địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- *Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:*

Ông bà có một thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt GCNQSDĐ) tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 01 tại xã T, tỉnh Quảng Trị, do nhà ở trên đồi cao nên muốn chuyển xuống phía dưới để có nước sinh hoạt. Năm 1989, Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt UBND) xã Q, huyện Q lập Biên bản đấu thầu vùng ao nuôi cá sát đường Quốc lộ 12A, diện tích 08 thước, ông đã nộp đơn và được xét thầu. Sau đó ông nộp 50.000 đồng vào ngân sách xã và UBND xã đã cấp đất chuyển nhà ở cho gia đình, nay là thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nhiều lần gia đình đề nghị nhưng không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, lý do thửa đất phần lớn nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, diện tích nằm ngoài hành lang nhỏ, bị chia thành 02 mảnh.

Ông T kiến nghị để được cấp đổi thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 lấy thửa đất khác. Năm 2018, UBND xã Q có tờ trình đề nghị thu hồi thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 và đề nghị cấp lại thửa đất khác cho gia đình ông T, đồng thời gia đình ông T có đơn tự nguyện trả lại đất để đề nghị cấp lại cho phù hợp. Cùng năm, UBND xã Q có tờ trình về cấp đổi đất cho gia đình từ thửa 49, tờ bản đồ số 02, diện tích 251,9m² sang thửa đất số 343, tờ bản đồ số 07, diện tích 400m² do UBND xã Q quản lý. Tại Kết luận thanh tra của UBND huyện Q kết luận thửa đất đất số 343, tờ bản đồ số 07 phải thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, thủ tục giao và cấp đất không thông qua đấu giá là không đúng đối tượng, không đúng quy định.

Không đồng ý với kết luận của thanh tra, ông T đã làm đơn khiếu nại và Chủ tịch UBND huyện Q đã ra Quyết định số 1705/QĐ-UBND không công nhận nội dung khiếu nại. Không đồng ý với Quyết định trên, ông T tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Q. Chủ tịch UBND tỉnh Q đã ra Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Xuân T. Không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại, ông T khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu hủy bỏ một số nội dung trong Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Q, với lập luận:

- Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 09, tờ bản đồ số 01 không có ràng buộc, lệ thuộc gì, vì thửa đất số 49, gia đình ông đã làm nghĩa vụ nộp tiền đất ở để được sử dụng đất ở, đây không phải là đất cấp, mà do nằm trong hành lang nên đúng đối tượng được bồi thường theo nghị định 100/2013 của Chính phủ theo phụ lục II, Quyết định 3067/2014 của bộ G triển khai thực hiện Quyết định 994/2014 của Thủ tướng Chính phủ về giải tỏa, bồi thường, thu hồi đất hành lang quốc lộ giai đoạn 2014 đến năm 2020. Quyết định 819/QĐ của tỉnh kết luận lại rẽ sang hướng khác để quy kết đất cấp chứ không phải giao bồi thường trong đất, chính vì vậy mà áp đặt cho gia đình ông “Ông Trần Xuân T đã được cấp GCN năm 1994”, “Ông T không thuộc trường hợp được nhà nước giao đất không qua đấu giá” là không đúng, việc bồi thường đất cho gia đình ông không liên quan đến đối tượng giao đất không thông qua đấu giá. Thửa đất số 09, mang tên bà A (vợ ông T) đã cho con từ

năm 2003 để xuống làm nhà tại thửa đất số 49 nhưng do giao thông không cho nên hiện tại ông bà chưa có đất nhà ở, ông không có tên trong GCNQSDĐ vì không có hộ khẩu từ năm 1990 -2005 tại xã. Tại điểm a khoản 2 Điều 118 luật đất đai năm 2013 “Giao đất không thu tiền sử dụng đất”, nhưng thửa đất số 49 gia đình ông đã nộp tiền đất (Kể cả thửa đất 343 sau khi đổi rồi cũng đã nộp tiền theo bảng giá đất của tỉnh 25.000.000 đồng). Vậy hai thửa đất không có liên quan gì mà lại áp đặt cho ông không đúng đối tượng giao đất theo Điều 118 luật đất đai năm 2013 là không đúng.

- Do trên thửa đất số 49 không có nhà nên Quyết định số 819 của tỉnh đã kết luận “Mà không sử dụng để làm nhà ở” là không đúng. Vì Quyết định số 819/QĐ của tỉnh viện dẫn khoản 3 Điều 16 ND số 84/2007 đã hết hiệu lực từ 1/7/2014 nhưng trong Điều 16 không có khoản 3 để kết luận “không sử dụng để làm nhà ở” là không đúng, là vi phạm Nghị định 01/2017 “không có nhà trên đất cũng được cấp GCN” là trái với thông tư 30/2014 của bộ T2. Năm 1990 đường tỉnh lộ 1, nâng cấp Quốc lộ B xuyên á, mốc lộ 47m, năm 2007 lấy đường 8 Hà Tĩnh làm đường xuyên á và chuyển sang lấy tên Quốc lộ A hành lang 7m. Nhưng ông vẫn không làm được nhà vì còn đường điện 220V dây trần qua giữa đất, mãi đến năm 2023 mới di chuyển. Văn phòng đăng ký đất đai mới tiếp nhận hồ sơ có diện tích hành lang 78m² và xác nhận đủ điều kiện cấp GCN đất ở từ ngày 16/5/2014. Nhưng vì huyện lưu hồ sơ 42 tháng, đến tháng 12/2016 mốc lộ giới cắm sâu 15m không được cấp GCN nên chuyển qua đổi đất. Việc đổi đất cho ông là đúng đối tượng theo Quyết định 994/2014 của Chính phủ về việc giải tỏa, bồi thường đất hành lang giai đoạn 2014-2020. Đồng thời không đúng với thực tế thửa đất đã nằm gọn trong hành lang 15m, đường điện dây trần qua giữa thửa đất và đã thu hồi quyết định 248/2018, vậy còn đâu mà đòi hỏi phải có nhà trên đất. Tất cả những diễn biến trên là nguyên nhân bất khả kháng nhưng quyết định 819 của tỉnh không tính đến nên thiếu thực tế, thiếu khách quan, thiếu thấu tình đạt lý (tại điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định 102 chỉ rõ: Nguyên nhân bất khả kháng là do Quyết định hành chính, hành vi hành chính của Nhà nước là trở ngại khách quan không do lỗi của người sử dụng đất, tác động trực tiếp đến người sử dụng đất).

- Quyết định 819 của tỉnh căn cứ thời điểm ông làm hồ sơ xin cấp GCN ngày 2/6/2013, sau Quyết định 356/QĐ-TTg ngày 25/2/2013 của Chính phủ và sau Quyết định 540/QĐ ngày 13/3/2013 của tỉnh để áp đặt "Thửa đất này đã vi phạm an toàn hành lang giao thông nên chỉ đủ điều kiện cấp quyền sử dụng đất nông nghiệp không bao gồm đất ở" là không đúng. Đúng ra, phải căn cứ vào thời điểm giấy cấp đất chuyển nhà ở và giấy xác nhận đã nộp tiền đất ở năm 1989 mới đúng. Hai Quyết định nói trên ra đời trong giới hạn Quy hoạch hành lang, theo hồ sơ địa chính thửa đất số 49 ONT được nhà nước đo đạc năm 2009, đến Nghị định 100/2013 của Chính phủ mới có Quy hoạch quy định tại Điều 15 đất dành cho hành lang an toàn đường bộ 15m đối với đường cấp ba và chỉ rõ tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 1 của Nghị định 100 này: Rà soát, xác định giới hạn đất dành cho đường bộ, tiến hành thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, cắm mốc giới hạn và bàn giao cho địa phương, cơ quan đường bộ quản lý theo Quy hoạch và bồi thường thiệt hại do

khả năng hạn chế sử dụng đất. Kết luận 819 của T1 cho là do vi phạm đất hành lang mà áp đặt là đất nông nghiệp "không bao gồm đất ở" là trái với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 97 Nghị định 102 của Chính phủ "nếu việc sử dụng đất có trước khi hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực được công bố" "thì người sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ...". Trường hợp, nếu thửa đất không vi phạm hành lang và lập hồ sơ trước các Quyết định nói trên thì đương nhiên là đất ở, thế thì đất nằm trong hành lang vẫn là đất ở nhưng không cấp được GCN, không làm được nhà ở mà thôi. Theo đó, tính lại cho tất cả 251,9 m² đều là đất hành lang "không bao gồm đất ở" (trong đó có 42 m² đất nằm ngoài hành lang) là không đúng, thiếu khách quan. Quyết định 3067/2014 của bộ G triển khai thực hiện Quyết định 994/2014 cũng đã chỉ rõ: Sau khi đền bù xong mới chuyển qua đất nông nghiệp, nên việc áp đặt thửa đất số 49 là đất nông nghiệp khi chưa được đền bù, là thiếu căn cứ pháp lý. Như vậy, thửa đất số 49 có trước Quyết định 365 của Chính phủ, Quyết định 540 của tỉnh, Nghị định 100 của Chính phủ thì phải được công nhận đất ở (theo Thông tư 30/2014 của bộ TN-MT quy định "Hồ sơ được tiếp nhận trước ngày 1/7/2014 thì tiếp tục giải quyết cấp GCN không trả lại hồ sơ", vì vậy mà Văn phòng đăng ký đất đai đã căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật địa chính được nhà nước đo đạc ngày 30/12/2009 với ký hiệu ONT để lên phôi trình ký có hạn chế đất hành lang 78 m² là đúng). Lý ra, Quyết định 819/2025 của tỉnh ban hành sau Luật đất đai 2024 thì phải căn cứ khoản 2 Điều 95 của luật đất đai và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 97 Nghị định 102/2024: Đất "Có trước khi hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực được công bố" thì thu hồi và bồi thường theo tinh thần Nghị định 100/2013 và Phụ lục 2 Quyết định 3067 của bộ G triển khai thực hiện Quyết định 994/2014 của Thủ tướng Chính phủ, hoặc cấp GCNQSD đất ở có hạn chế 78m² mới đúng. Theo đó, tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Nghị định 101/2024 và tại Phụ lục phần 5 Nghị định 151/2025 quy định rất rõ tại các điểm d, i, m về các loại giấy tờ cần có để đăng ký đất đai lần đầu. Tại khoản 3-II quy định ở điểm b về nội dung xác nhận của UBND xã trong việc đăng ký đất đai lần đầu cần ghi rõ: Có hay không có nhà ở, có phù hợp Quy hoạch không; căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, UBND xã xác nhận phải căn cứ vào Biên bản của Hội đồng đăng ký đất đai, giấy tờ nguồn gốc sử dụng theo quy định tại Điều 137, Điều 140 Luật đất đai, đó là Bản đồ địa chính nhà nước đo đạc năm 2009 thuộc loại đất ở ONT; giấy cấp đất chuyển nhà ở, giấy xác nhận đã nộp tiền đất ở từ năm 1989, Biên bản của HĐĐK đất đai xã Q năm 2013 và biên bản HĐĐKĐĐ xã Liên Trường năm 2025 là đất ở, cùng các giấy tờ kèm theo được các cơ quan liên quan xác nhận nhà bị sập. Căn cứ vào đâu mà Quyết định 819 của tỉnh áp đặt thửa đất số 49 là đất nông nghiệp không bao gồm đất ở kể cả 42m² nằm ngoài hành lang cũng không được công nhận. Kết luận như vậy là không thực tế, thiếu thấu tình, đạt lý.

Từ lập luận trên, ông T yêu cầu Tòa án giao cho các cơ quan thuộc thẩm quyền giải quyết quyền lợi cho ông theo một trong các điều kiện sau: Đăng ký, Cấp GCNQSD đất ở (có hạn chế sử dụng đất hành lang 78m²); giao trả, đo đạc, cắm mốc, bàn giao thực địa thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2 đủ diện tích 251,9 m² đất; giao đổi cho ông thửa đất khác tương đương thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02.

Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Q:

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Q: Ông Trần Xuân T đã khiếu nại Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của chủ tịch UBND huyện Q (cũ) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Ông Trần Xuân T, nội dung này đã được Chủ tịch UBND tỉnh Q thụ lý giải quyết tại Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Xuân T (lần hai). Việc ban hành định số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

- Về nội dung:

+ Đối với yêu cầu của ông Trần Xuân T về việc hủy bỏ toàn Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Xuân T; giao lại thửa đất khác hoặc trả bằng tiền tương đương với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 xã Q cho ông T. Chủ tịch UBND tỉnh Q thụ lý giải quyết, ban hành Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 không công nhận nội dung khiếu nại của ông T, căn cứ để không công nhận nội dung khiếu nại:

Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 có nguồn gốc do UBND xã Q giao trái thẩm quyền năm 1989, ông T đã nộp 50.000 đồng vào ngân sách xã. Quá trình sử dụng đất, hộ ông T đã cải tạo, san lấp mặt bằng để trồng cây, xây móng đá bao quanh, cắm cọc bê tông, rào dây thép gai để bảo vệ mà không sử dụng làm nhà ở.

Trước khi ông T làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thửa số 49, tờ bản đồ số 02 thì Thủ tướng chính phủ đã có Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 và UBND tỉnh đã có Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 13/3/2013 nên thửa đất này đã vi phạm hành lang an toàn giao thông Quốc lộ A và chỉ đủ điều kiện cấp QSD đất nông nghiệp mà không bao gồm đất ở.

Ông Trần Xuân T và bà Trần Thị A1 đã được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ năm 1994 tại thửa số 09, tờ bản đồ số 01, được Nhà nước công nhận QSD đất ở như giao đất có thu tiền sử dụng đất nên không thuộc trường hợp nhà nước giao đất không thông qua đấu giá QSDĐ theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 118 luật đất đai 2013.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q phối hợp với UBND xã Q tham mưu UBND huyện Q thực hiện trình tự, thủ tục giao đất, cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 343, tờ bản đồ số 07 cho ông Trần Xuân T theo hình thức giao đất không qua đấu giá QSDĐ là không đúng đối tượng, không đúng quy định Luật đất đai 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Do đó, các cá nhân và tập thể liên quan đến sai phạm này đã bị xử lý kỷ luật về Đảng và chính quyền.

Thửa đất số 343, tờ bản đồ số 07 được giao, cấp GCNQSDĐ cho ông T và bà A1 không đúng quy định của pháp luật về đất đai; việc UBND huyện Q thu hồi là đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

Các căn cứ này đảm bảo đúng quy định pháp luật về đất đai, áp dụng đúng thời điểm có hiệu lực. Việc ông Trần Xuân T yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Q không được chấp nhận.

+ Về yêu cầu Tòa án giao cho các cơ quan thuộc thẩm quyền giải quyết các nội dung: Đăng ký, cấp GCNQSD đất ở (có hạn chế sử dụng đất hành lang 78m²); giao trả, đo đạc, cắm mốc, bàn giao thực địa thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2 đủ diện tích 251,9 m² đất; giao đổi cho ông thửa đất khác tương đương thửa đất số 49.

Ông Trần Xuân T làm thủ tục trả lại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 để thực hiện cấp đổi thửa số 343, tờ bản đồ số 07, do việc cấp đổi không đúng quy định của pháp luật; UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 về việc thu hồi và hủy bỏ các Quyết định liên quan đến việc giao đất cho ông Trần Xuân T, trong đó có Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND huyện Q về việc thu hồi đất do hộ gia đình ông Trần Xuân T tự nguyện trả.

Ngày 30/5/2023, Đoàn xác minh giải quyết khiếu nại của UBND huyện Q đã phối hợp với đơn vị chuyên môn, UBND xã L; Thôn A, xã L và ông Trần Xuân T kiểm tra, đo đạc thực địa thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02, thấy: theo số liệu trích đo tờ bản đồ số 07 xã Q được phê duyệt năm 1995, thửa đất số 49 có diện tích 251,9m², kết quả đo đạc theo hiện trạng 245,5m²; các cạnh và vị trí tứ cận không thay đổi so với bản đồ phê duyệt năm 2015. Cơ quan chức năng đã cắm mốc lộ giới trên tuyến, cách chân taluy nền đường 15m, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 có 203,4m² nằm trong hành lang an toàn giao thông, diện tích hành lang năm ngoài an toàn giao thông là 42,1m² nhưng bị chia thành 02 mảnh có diện tích 19,3m² và 22,8m². Như vậy thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ ông Trần Xuân T với mục đích sử dụng đất nông nghiệp; không đủ điều kiện cấp đất ở do vi phạm hành lang giao thông, diện tích thửa đất các cạnh có thay đổi nhưng vị trí tứ cận không thay đổi so với bản đồ phê duyệt năm 2015. Việc ông Trần Xuân T yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký đất đai thuộc loại đất ở tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02, cấp GCNQSDĐ có hạn chế sử dụng đất nằm trong hành lang thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02; giao trả, cắm mốc thực địa tại thửa đất số 49 tờ bản đồ số 2 như trước lúc thu hồi hoặc bồi thường không được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên cho thấy yêu cầu của ông Trần Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án không công nhận nội dung khởi kiện của ông T.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ý kiến của ông Trần Thanh B: Năm 1989, UBND xã Q cấp một thửa đất có thu tiền 50.000 đồng tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2. Năm 2013, UBND xã Q, đề nghị cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Xuân T nhưng UBND huyện Q không thực hiện và kéo dài đến năm 2017, do đó ông T khiếu nại đến các cấp có thẩm quyền. Năm 2019, UBND huyện chỉ đạo UBND xã xây dựng hồ sơ để cấp đổi đất cho ông

T và UBND xã đã xây dựng hồ sơ đề nghị huyện và cùng năm, UBND huyện đã có Quyết định cấp đổi và cấp cho ông Trần Xuân T GCNQSDĐ tại thửa 343, tờ bản đồ số 07. Đến năm 2023, UBND huyện lại có Quyết định thu hồi GCNQSDĐ tại thửa 343, tờ bản đồ số 07.

- Ý kiến của ông Trần Hữu N1: Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 có nguồn gốc do UBND xã Q cấp cho ông Trần Xuân T vào năm 1989 có thu 50.000 đồng vào ngân sách xã. Ông T sử dụng đã lâu nhưng đến năm 2013, cán bộ địa chính mới làm thủ tục cấp đất cho ông T, đến năm 2017, sau khi UBND huyện thẩm định thì thửa đất đa phần nằm trong hành lang Quốc lộ A, do vậy không cấp GCNQSDĐ cho ông T được. Vì vậy ông T đã kiến nghị đến UBND huyện và các cơ quan chuyên môn. Năm 2017, UBND huyện thành lập tổ lên làm việc với Thường vụ Đảng ủy và UBND xã Q để thống nhất việc đổi đất cho ông Trần Xuân T nhưng Đảng ủy và UBND xã không nhất trí và yêu cầu UBND huyện có các Quyết định và công văn chỉ đạo thì Đảng ủy và UBND xã mới thực hiện. Sau đó, UBND huyện có các công văn chỉ đạo Đảng ủy và UBND xã phải thực hiện việc tìm kiếm đất quy hoạch để đổi đất cho ông T. Do đó thửa đất số 343, tờ bản đồ số 7, sau khi quy hoạch để cấp đổi cho ông T, U và làm quy trình đổi đất và cấp GCNQSDĐ cho ông T. Đến năm 2023, do có các ý kiến phản hồi của nhân dân nên UBND huyện thành lập đoàn Thanh tra quy trình cấp đất tại thửa 343, tờ bản đồ số 7, do quy trình cấp đất không đúng đối tượng nên UBND huyện đã ra Quyết định thu hồi thửa đất 343, tờ bản đồ số 7 đã cấp cho ông Trần Xuân T và bà Trần Thị A1.

Tại phiên tòa:

- Người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: ngoài việc giữ nguyên quan điểm như Văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh Q và các lần làm việc tại Toà án, còn có quan điểm về cấp GCNQSDĐ nông nghiệp cho hộ ông T theo hiện trạng đo đạc lại vì hiện trạng đã có sự thay đổi, nếu hộ ông T đề nghị và đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tố tụng: Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đề nghị xét xử vắng mặt; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

Về nội dung: Ngày 24/3/2025, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2), ngày 10/9/2025 ông Trần Xuân T làm đơn khởi kiện quyết định này là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 5 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 31; Điều 55; Điều 98; Điều 115; Điều 116; Điều 134; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194;

Điều 204; khoản 1 Điều 206; Điều 347 Luật Tố tụng hành chính. Điều 12; Điều 14; Điều 15; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Nghị Quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2026 và phụ lục tên gọi bà phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực, kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T, về việc huỷ bỏ một phần Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Q; yêu cầu cầu T giao cho các cơ quan thuộc thẩm quyền giải quyết: đăng ký, cấp GCNQSD đất ở (có hạn chế sử dụng đất hành lang 78m²); giao trả, đo đạc, cắm mốc, bàn giao thực địa thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2 đủ diện tích 251,9 m² đất. Ông Trần Xuân T đối tượng cao tuổi, có đơn nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ các khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 31 Luật tố tụng hành chính thì Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Xuân T trú tại thôn A, xã L, huyện Q là Quyết định hành chính được ban hành.

Ngày 11/9/2025, ông Trần Xuân T khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định hành chính trên là vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Ông Trần Xuân T cư trú tại xã T, tỉnh Quảng Trị; căn cứ Nghị Quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2026 và phụ lục tên gọi và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực, kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp huyện thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

Về sự tham gia của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa vắng mặt người bị kiện; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng họ đã có ý kiến xin vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Xuân T khởi kiện yêu cầu huỷ bỏ một phần quyết định giải quyết khiếu nại; yêu cầu Tòa giao cho các cơ quan thuộc thẩm quyền giải quyết quyền lợi cho ông theo một trong các điều kiện sau: Đăng ký, Cấp GCNQSD đất ở (có hạn chế sử dụng đất hành lang 78m²); giao trả, đo đạc, cắm mốc, bàn giao thực địa thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2 đủ diện tích 251,9 m² đất;

giao đổi cho ông thửa đất khác tương đương thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02. Quá trình thụ lý, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” là chưa đầy đủ, nay Hội đồng xét xử xác định khởi kiện của ông T là “Khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính”.

[2] Xem xét, đánh giá căn cứ và tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khởi kiện số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Xuân T (lần hai).

- Về thẩm quyền: Ông Trần Xuân T khiếu nại lần đầu đến Ủy ban nhân dân huyện Q với nội dung là khiếu nại Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của chủ tịch UBND huyện, về việc thu hồi đất và giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số phát hành CP 663144, số vào sổ cấp GCN CH01834 do UBND huyện Q cấp cho ông Trần Xuân T và bà Trần Thị A1 mà không có phương án giải quyết quyền lợi cho gia đình ông và khiếu nại Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc thu hồi và huỷ bỏ các quyết định liên quan đến việc giao đất cho ông Trần Xuân T tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Nội dung khiếu nại không được Chủ tịch UBND huyện Q công nhận (tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1705/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Q, về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Xuân T, Thôn A, xã L) nên ông T khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Q, nội dung: Huỷ bỏ toàn bộ Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; giao đổi lại thửa đất khác hoặc trả bằng tiền có giá trị tương đương với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2 mà xã Q cho gia đình ông. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2021.

- Về trình tự, thủ tục: Sau khi nhận Đơn khiếu nại lần 2 của ông Trần Xuân T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q đã thụ lý và giải quyết đúng thời gian, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 27 và 34 Luật khiếu nại.

- Về nội dung: Trên cơ sở kết quả xác minh theo nội dung khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q quyết định: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Xuân T, công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Trần Xuân T.

[3] Xem xét nguồn gốc, căn cứ sử dụng đất và yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở của ông Trần Xuân T tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình:

Năm 1989 UBND xã Q lập Biên bản đầu thầu vùng ao nuôi cá phía Tây đê Thạch Trường sát đường Q, diện tích 8 thước. Ông T, bà A1 được xét đơn và đã nộp 50.000 đồng vào ngân sách xã. Ngày 15/12/1989 UBND xã lập cấp đất chuyển nhà ở cho gia đình ông T với diện tích 262m², đất hoang hoá trong khu vực dân cư, phía Tây và B1 giáp đường 2m, phía Đông giáp đất hoang, phía Nam giáp tỉnh lộ đề ông T chuyển nhà từ đồi cao xuống đê giải quyết có nước sinh hoạt và được

quyền làm nhà ở. Theo bản đồ phê duyệt năm 1995, phần đất giao là một phần thửa đất số 56, tờ bản đồ số 01; nay là thửa số 49, tờ bản đồ số 02. Trước đó, ông Trần Xuân T và bà Trần Thị A1 sử dụng diện tích 764m² tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 01, xã Q, chưa được cấp GCNQSDĐ. Ngày 10/5/1994, UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số D0584205 mang tên bà Trần Thị A1 (vợ ông T) tại thửa số 09, tờ bản đồ số 01. Năm 2013, hộ ông Trần Xuân T làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02, diện tích 251,9m², được UBND xã Q xác nhận đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Ngày 20/7/2014, hộ ông T có đơn đăng ký biến động đất từ 251m² sang 251,9m² đất ở nông thôn. Trên cơ sở đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ ngày 14/12/2016 của hộ ông Trần Xuân T, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện xác định thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 có diện tích 162,7m² trong tổng diện tích 251,9m² nằm trong hành lang an toàn giao thông Quốc lộ A. Căn cứ kết quả kiểm tra, Phòng T đã ban hành công văn số 1186/UBND-TNMT ngày 29/12/2016, trả lời hộ ông T với nội dung: Thửa đất số 49 không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, do đăng ký cấp GCNQSDĐ không phù hợp hiện trạng sử dụng, chỉ đủ điều kiện công nhận theo hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp. Ngày 30/5/2023, Đoàn xác minh giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện Q đã phối hợp với đơn vị chuyên môn, UBND xã L, Thôn A xã L và ông Trần Xuân T kiểm tra, đo đạc thực địa thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02, thấy: theo số liệu trích đo tờ bản đồ số 07 xã Q được phê duyệt năm 1995, thửa đất số 49 có diện tích 251,9m², kết quả đo đạc theo hiện trạng 245,5m²; các cạnh và vị trí tứ cận không thay đổi so với bản đồ phê duyệt năm 2015. Cơ quan chức năng đã cắm mốc lộ giới trên tuyến, cách chân taluy nền đường 15m, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 có 203,4m² nằm trong hành lang an toàn giao thông, diện tích hành lang nằm ngoài an toàn giao thông là 42,1m² nhưng bị chia thành 02 mảnh có diện tích 19,3m² và 22,8m².

Ngày 15/12/1989, ông Trần Xuân T được UBND xã Q cấp Giấy xác nhận sử dụng đất làm nhà ở đối với đất đầu thầu vùng ao nuôi cá. Ngày 20/7/2014, hộ ông T có đơn đăng ký biến động đất từ 251m² sang 251,9m² đất ở nông thôn, trong đơn có ý kiến của Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q “Đủ điều kiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất” mà không có ý kiến của xã Q, Phòng T huyện. Mặc dù ông T đưa ra lập luận ông không làm được nhà ở là do đường điện 220KV dây trần chạy qua giữa thửa đất, do quy hoạch mở rộng đường quốc lộ 12A và sự chậm trễ của cơ quan chức năng trong việc làm thủ tục cấp đất ở cho ông. Tuy nhiên, thời điểm ông T làm đơn yêu cầu cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất ông trúng đấu thầu và sử dụng (thửa 49, tờ bản đồ số 02) thì trước đó Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 và UBND tỉnh đã có Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 13/3/2013, thửa đất này chỉ đủ điều kiện cấp QSD nông nghiệp mà không phải đất ở, nên các lập luận của ông T để được cấp đất ở không làm thay đổi bản chất về mục đích sử dụng loại đất.

Như vậy thửa đất này không đủ điều kiện về kích thước, diện tích; phần lớn đất nằm trong hành lang an toàn giao thông, loại đất nông nghiệp để được cấp GCNQSDĐ đất ở. Do đó yêu cầu của ông Trần Xuân T về yêu cầu đăng ký, cấp

GCNQSD đất ở (có hạn chế sử dụng đất hành lang 78m²) hoặc giao trả đo đạc, cắm mốc, bàn giao thực địa thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2 đủ diện tích 251,9 m² đất là không phù hợp và không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xem xét Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1705/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc khiếu nại của ông Trần Xuân T với nội dung khiếu nại Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của UBND huyện Q về việc thu hồi đất và giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Trần Xuân T và bà Trần Thị A1 và Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện về việc thu hồi và huỷ bỏ các quyết định liên quan đến việc giao đất cho ông Trần Xuân T.

Theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính: “1. Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính... quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Như vậy, trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc còn hay hết thời hiệu khởi kiện.

Do không đồng ý công văn số 1186/UBND-TNMT ngày 29/12/2016 Phòng T, ông T kiến nghị đòi thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 lấy thửa đất khác, trên cơ sở đề nghị của ông T, UBND huyện Q đã ban hành các Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 về việc phê duyệt phương án giao đất cho ông Trần Xuân T tại xã Q, huyện Q; số 248/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 về việc thu hồi đất do hộ cá nhân tự nguyện trả lại đất tại xã Q, huyện Q và số 249/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 về việc giao đất không thông qua hình thức đấu giá QSDĐ cho ông Trần Xuân T và bà Trần Thị A1 tại xã Q, huyện Q.

Tại Kết luận thanh tra số 967/KL-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện Q: Ông Trần Xuân T và bà Trần Thị A1 đã được UBND huyện Q cấp GCNQĐĐ vào năm 1994 nên không thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. UBND xã Q thực hiện các thủ tục, phương án giao đổi thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 có diện tích 251,9m² sang thửa đất số 343, tờ bản đồ số 07, diện tích 400m² đất ở nông thôn cho ông Trần Xuân T là không đúng quy định. Trên cơ sở kết luận Thanh tra, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 về việc thu hồi đất và giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Trần Xuân T và bà Trần Thị A1 tại thửa 343, tờ bản đồ số 07 và Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 về việc thu hồi và huỷ bỏ các quyết định liên quan đến việc giao đất cho ông Trần Xuân T.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1705/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Q, ông T khiếu nại nội dung UBND huyện ban hành Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 30/10/2023, trong đó huỷ bỏ quyết định thu hồi đất thửa 49, tờ bản đồ số 02 là không đúng, do ông đã trả lại nên không muốn nhận lại. Tuy nhiên ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giao các cơ quan thẩm quyền

giải quyết: đăng ký, cấp GCNQSD đất ở (có hạn chế sử dụng đất hành lang 78m²) hoặc giao trả, đo đạc, cắm mốc, bàn giao thực địa thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2 đủ diện tích 251,9 m² là không phù hợp diễn biến sự việc.

Xét thấy, ông Trần Xuân T và bà Trần Thị A1 đã được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ năm 1994 tại thửa số 09, tờ bản đồ số 01, được Nhà nước công nhận QSD đất ở như giao đất, mang tên bà A1 (vợ ông T). Ông T trình bày đã cho con từ năm 2003 để xuống làm nhà tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02 nhưng giao thông không cho nên hiện tại ông bà chưa có đất nhà ở, ông không có tên trong GCN vì không có hộ khẩu từ năm 1990 - 2005 tại xã. Thấy rằng, việc bà A1 đứng tên trong GCNQSDĐ là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 “Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ hoặc chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân”, như vậy bà A1 và ông T đã được nhà nước giao đất ở. Việc cho con là quyền tự định đoạt của ông bà đối với thửa đất đã được nhà nước giao đất ở. Theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 118 Luật đất đai 2013 thì các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất là cá nhân, hộ gia đình có hộ khẩu thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được nhà nước giao đất. Do đó các Quyết định của UBND huyện Q liên quan đến giao thửa đất số 343, tờ bản đồ số 07, diện tích 400m² đất ở nông thôn cho ông Trần Xuân T là không đúng quy định nên UBND huyện Q ban hành các Quyết định số 2339/QĐ-UBND và số 248/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 thu hồi đất và các Quyết định liên quan đến giao đất, đồng thời xử lý đối với người thi hành công vụ vi phạm là đúng quy định tại các Điều 106 và Điều 207 Luật đất đai 2013.

[5] Từ những căn cứ trên, Xét thấy việc ông Trần Xuân T khởi kiện yêu cầu huỷ bỏ một phần Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Xuân T (lần hai) không có căn cứ. Do đó, việc ông T yêu cầu cầu Tòa giao cho các cơ quan thuộc thẩm quyền giải quyết: Đăng ký, cấp GCNQSD đất ở (có hạn chế sử dụng đất hành lang 78m²) hoặc giao trả, đo đạc, cắm mốc, bàn giao thực địa thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2 đủ diện tích 251,9 m² đất hoặc giao đổi thửa đất khác có giá trị tương đương là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với việc sử dụng, cấp GCNQSDĐ nông nghiệp tại thửa 49, tờ bản đồ số 02: Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị khởi kiện có quan điểm về cấp GCNQSDĐ nông nghiệp cho hộ ông T theo hiện trạng đo đạc lại vì hiện trạng đã có sự thay đổi, nếu hộ ông T đề nghị và đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ. Do đó, ông Trần Xuân T có quyền liên hệ đến cơ quan quản lý đất đai để được đo đạc theo hiện trạng, việc cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Q.

[7] Về án phí: Ông Trần Xuân T thuộc diện người cao tuổi, có Đơn xin miễn án phí và đã được Toà án thông báo miễn án phí nên được miễn án phí.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 31; Điều 55; Điều 98; Điều 115; Điều 116; Điều 134; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; khoản 1 Điều 206; Điều 347 Luật Tổ tụng hành chính;

Điều 12; Điều 14; Điều 15; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Nghị Quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2026 và phụ lục tên gọi bà phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực, kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Tuyên Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T, về việc huỷ bỏ một phần Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Q và yêu cầu T giao cho các cơ quan thuộc thẩm quyền giải quyết: Đăng ký, Cấp GCNQSD đất ở (có hạn chế sử dụng đất hành lang 78m²); giao trả, đo đạc, cắm mốc, bàn giao thực địa thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2 đủ diện tích 251,9 m² đất; giao đổi thửa đất khác tương đương thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Xuân T được miễn.

3. Quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (28/4/2026) đối với người có mặt và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án đối với người vắng mặt .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Anh Đức

